

Số: 44/2025/QĐST-DS

Cẩm Thủy, ngày 28 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1, khoản 3 điều 24; khoản 7 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2025, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2025/TLST-DS, ngày 28 tháng 3 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ **Ngân hàng TMCP V**; địa chỉ: số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Tống Thị L – chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: tầng C, trung tâm thương mại T3, số B Đại lộ L, phường L, thành phố T (văn bản uỷ quyền số 01/2025/UQ-Mars.VPB ngày 04/3/2025).

+ **Công ty Cổ phần M**; địa chỉ: Tầng A Tòa nhà V, số I D, phường D, Quận C, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế T1 – chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: tầng C, trung tâm thương mại T3, số B Đại lộ L, phường L, thành phố T (văn bản ủy quyền số 490/2025/UQ-MARS.VPB ngày 04/3/2025).

- *Bị đơn*: Anh Bùi Xuân T2, sinh năm 2003; Nơi cư trú: Thôn G, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngân hàng TMCP V và anh Bùi Xuân T2 có ký hợp đồng cho vay hạn mức số LN2311241000008 ngày 17/01/2024, số tiền vay 710.000.000 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 11, bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000; tại địa chỉ thửa đất: Thôn G, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR989667, Số vào sổ cấp GCN: H01052 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 28/6/2019 cho bà Cao Thị L1. Chính lý trang IV chuyển nhượng cho ông Bùi Xuân T2 ngày 12/01/2024.

Ngày 30/9/2024 Ngân hàng TMCP V ký kết hợp đồng mua bán nợ số 14/2024/VPB-MARS, kèm theo phụ lục 01 Hợp đồng mua bán nợ số 14/2024/VPB-MARS và Hợp đồng mua bán nợ số 08/2024/VPB-MARS ngày 30/9/2024 bán (99%) khoản nợ trên cho Công ty Cổ phần M.

Về số tiền nợ: Tính đến ngày 18/4/2025, anh Bùi Xuân T2 còn nợ Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M tổng số tiền gốc và lãi là: 829.719.277 đồng. Trong đó: nợ gốc: 710.000.000 đồng; lãi trong hạn: 115.851.936 đồng, lãi quá hạn 3.867.341 đồng.

Cụ thể: trả cho Công ty Cổ phần M tổng số tiền gốc và lãi là: **821.422.085 đồng**. (Nợ gốc: 702.900.000 đồng; lãi trong hạn là: 114.693.417 đồng; lãi quá hạn là 3.828.668 đồng); trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền gốc và lãi là: **8.297.192 đồng**. (Nợ gốc: 7.100.000 đồng; lãi trong hạn: 1.158.519 đồng; lãi quá hạn là 38.673 đồng) và tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/4/2025 theo Hợp đồng cho vay số: LN2311241000008 ngày 17/01/2024 cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền nợ gốc cho nguyên đơn.

Về thời gian và phương thức thanh toán: Chậm nhất vào ngày 18/5/2025 anh T2 phải thanh toán xong khoản nợ trên cho Công ty Cổ phần M; Ngân hàng TMCP V.

Nếu đến hạn anh T2 không trả đúng và đủ số tiền còn nợ, Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp LN2311241000008, ký ngày 16/01/2024 tại văn phòng C.

Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Bùi Xuân T2 về việc nhận nộp toàn bộ án phí DSST. Anh T2 phải nộp 18.445.789 đồng (*Mười tám triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, bảy trăm tám mươi chín đồng*) án phí DSST. Trả lại cho Công ty Cổ phần M; Ngân hàng TMCP V số tiền nộp tạm ứng đã nộp là 17.440.000đ (*Mười bảy triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*), theo biên lai thu tạm ứng án phí số BLTU/24/0000848, ngày 28/3/2025, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trọng Sơn